

Nghiên cứu giải pháp đổi mới và phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020

1. Tên đề tài: Nghiên cứu giải pháp đổi mới và phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020

2. Tổ chức chủ trì đề tài: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Quang Huy

4. Mục tiêu của đề tài:

- Đánh giá được hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại huyện Bạch Thông nói chung và xã Quân Bình nói riêng.

- Đánh giá, phân tích hiện trạng sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân, một số mô hình sản xuất tại xã Quân Bình, chỉ ra những ưu thế và hạn chế trong sản xuất kinh doanh của các mô hình, những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các mô hình, lựa chọn được các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao trên địa bàn xã Quân Bình.

- Đưa ra định hướng và giải pháp nhằm đổi mới và phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, góp phần thực hiện tiêu chí nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới tại xã Quân Bình.

5. Kết quả thực hiện:

5.1. Tình hình xây dựng nông thôn mới tại xã Quân Bình huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn.

5.1.1. Khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn

Qua gần 5 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, đến tháng 12 năm 2015 kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới tại tỉnh Bắc Kạn đạt được như sau: Đã có 22 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí chiếm 20 %, tăng 6 xã so với năm

2014; 74 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, chiếm 67%, giảm 2 xã so với năm 2014; 14 xã đạt dưới 5 tiêu chí, chiếm 13%, giảm 4 xã so với năm 2014

- Cụ thể mức độ đạt tiêu chí: Quy hoạch có 110/110 xã hoàn thành; tiêu chí giao thông 2/110 xã; tiêu chí thủy lợi 41/110 xã; tiêu chí điện 67/110 xã; tiêu chí trường học 6/110 xã; tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa 0/110 xã; tiêu chí chợ 52/110 xã; tiêu chí bưu điện 92/110 xã; tiêu chí nhà ở dân cư 27/110 xã; tiêu chí thu nhập 12/110 xã; tiêu chí hộ nghèo 37/110 xã; tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên 88/110 xã; tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất 30/110 xã; tiêu chí giáo dục 45/110 xã; tiêu chí y tế 80/110 xã; tiêu chí văn hóa 0/110 xã; tiêu chí môi trường 0/110 xã; tiêu chí hệ thống chính trị 30/110 xã; tiêu chí an ninh trật tự xã hội 84/110 xã.

Trong giai đoạn 2017 - 2020 tỉnh Bắc Kạn tập trung chỉ đạo, có kế hoạch, lộ trình cụ thể để nâng cao chất lượng và hoàn thiện các tiêu chí NTM.

5.1.2. Kết quả xây dựng nông thôn mới tại huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn

Tại huyện Bạch Thông đến hết năm 2012, 16/16 xã đã được phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đến quý I năm 2013 100% số xã đã hoàn thành đề án xây dựng nông thôn mới. Nhìn chung chất lượng đồ án của các xã còn thấp so với yêu cầu, đa số các đồ án chỉ chú trọng phần xây dựng cơ sở hạ tầng, phần quy hoạch sản xuất nêu chung chung, chưa rõ định hướng. Vai trò của chính quyền xã và sự tham gia của người dân trong công tác lập quy hoạch chưa được phát huy đúng mức, còn phụ thuộc nhiều vào đơn vị tư vấn.

5.1.3. Hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại xã Quân Bình huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn

Qua trên 5 năm triển khai quá trình xây dựng nông thôn mới tại xã Quân Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn chúng tôi thấy đến nay hệ thống tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình cơ bản hoàn thiện từ huyện đến xã, thôn;

Nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân trong xã về xây dựng nông thôn mới đã có chuyển biến. XD NTM đã trở thành phong trào ở tất cả các thôn trong Quận Bình; Bộ mặt nông thôn có đổi mới, một số cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện. Đến nay xã đã có 13/19 tiêu chí đạt về chuẩn NTM, 6 tiêu chí bao gồm: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Chợ, Môi trường chưa đạt chuẩn NTM và sẽ tiếp tục phấn đấu thực hiện trong những năm tiếp theo.

5.2. Thực trạng mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới của xã Quận Bình.

5.2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ảnh hưởng tới phát triển mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả tại xã Quận Bình

** Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã*

Quận Bình là xã vùng thấp của huyện Bạch Thông có diện tích đất tự nhiên là: 762,07 ha, xã có quỹ đất tự nhiên và đất nông nghiệp tương đối lớn, nhưng đất nông nghiệp chủ yếu là đất rừng sản xuất, đất trồng lúa và hoa màu chiếm tỷ lệ nhỏ (20,0%).

Quận Bình có quy mô dân số ở mức trung bình so với huyện Bạch Thông, tốc độ tăng dân số bình quân tương đối cao. Dân số toàn xã năm 2010 là 1.966, đến năm 2015 là 2.182 người (*Báo cáo dân số năm 2015*).

Trình độ dân trí, thu nhập của người dân: Với những đặc điểm như dân cư ở tương đối tập trung, hạ tầng kinh tế - xã hội khá tốt so với các xã khác trong huyện Bạch Thông. Thu nhập bình quân toàn xã là 18,0 triệu đồng, với mức thu nhập trung bình khá cũng là điều kiện thuận lợi trong việc huy động nguồn lực tài chính cho công tác xây dựng nông thôn mới ở các thôn.

** Kết quả phát triển kinh tế xã hội của xã Quận Bình giai đoạn 2013 - 2015*

Tổng giá trị sản xuất của xã liên tục tăng qua các năm. Năm 2014 tăng 4,36% so với năm 2013, năm 2015 tăng 6,70%, bình quân mỗi năm tăng 5,52%. Sở

đã có sự tăng trưởng nhanh như vậy là do giá trị sản xuất của các ngành đều tăng: giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp & thủy sản mỗi năm tăng bình quân 3,53%. Trong khi đó giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 30,83%, đạt tốc độ tăng lớn nhất trong ba ngành.

Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành trong tổng giá trị sản xuất của xã cũng có sự thay đổi theo xu hướng giảm giá trị ngành nông lâm ngư nghiệp, tăng giá trị sản xuất các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu giá trị sản xuất của toàn xã. Nhìn vào cơ cấu của các ngành ta nhận thấy rằng có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã theo hướng tích cực. Điều này đang góp phần trong việc hoàn thành các mục tiêu đặt ra cho công cuộc CNH-HĐH của xã nói riêng và huyện Bạch Thông nói chung.

5.2.2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh đã triển khai tại xã Quân Bình

Phát triển kinh tế nông thôn chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó những chủ trương, chính sách của Nhà nước đóng một vai trò quan trọng. Trong thời gian qua, tỉnh Bắc Kạn đã cụ thể hóa các chính sách của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, nông thôn cho tỉnh Bắc Kạn. Đối với xã Quân Bình, một số mô hình sản xuất kinh doanh như mô hình trồng Gừng, mô hình chăn nuôi lợn Móng Cái, mô hình sản xuất 70 triệu/ha đã và đang được thực hiện trên địa bàn. Có thể nói, những mô hình trên đã có những đóng góp tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương.

5.2.3. Thực trạng mô hình sản xuất kinh doanh của hộ điều tra xã Quân Bình

5.2.3.1. Hiện trạng mô hình sản xuất kinh doanh hộ điều tra

**** Thực trạng về tình hình đất đai của các hộ điều tra***

Trong tổng diện tích đất đai của các hộ được điều tra thì diện tích đất trồng cây hàng năm và đất lâm nghiệp là chủ yếu. Bảng thống kê trên cho thấy đất trồng cây hàng năm là lớn nhất với 761.380 m² chiếm 48,98%. Tiếp đến là diện tích đất

rừng với 689.900 m² chiếm 44,38%. Diện tích đất trồng cây công nghiệp hàng năm và diện tích đất nuôi trồng thủy sản là không đáng kể. Tuy nhiên, có một điều cần chú ý về số liệu đất trồng cây hàng năm là trong quá trình tính toán diện tích đất này chúng tôi đã tính tổng diện tích gieo trồng.

**** Thực trạng về tình hình nhân khẩu và lao động của các hộ được điều tra***

Quận Bình là xã có 3 dân tộc chính sinh sống là dân tộc Tày, dân tộc Nùng và dân tộc Kinh, trong đó chủ yếu là người Tày. Ngoài ra còn một số nhóm dân tộc khác như Mông, Dao, Hoa. Tổng số nhân khẩu và lao động của 150 hộ được điều tra lần lượt là 658 và 403 người. Như vậy, số nhân khẩu bình quân của 1 hộ là 4,39 người và số lao động bình quân trên 1 hộ là 2,69 người. Trong đó nhóm dân tộc Nùng có tỷ lệ số nhân khẩu bình quân và số lao động bình quân là 4,94 khẩu trên 1 hộ và 2,83 lao động trên 1 hộ, theo sau là nhóm dân tộc tày với bình quân 4,33 khẩu/hộ và 2,72 lao động/hộ và nhóm hộ dân tộc kinh có tỷ lệ nhân khẩu bình quân và lao động bình quân là thấp nhất chỉ là 4,06 khẩu/hộ và 2,18 lao động/hộ.

**** Thực trạng về các mô hình kinh tế của hộ***

Hiện nay các mô hình thí điểm trên địa bàn xã vẫn còn đang trong giai đoạn triển khai và vẫn chưa mô hình sản xuất nào được nhân rộng cho toàn xã. Các hộ chủ yếu thực hiện canh tác và phát triển kinh tế dựa vào những nguồn lực của gia đình do đó các mô hình sản xuất hiện nay chủ yếu vẫn là những mô hình canh tác truyền thống như VAC, VACR.....

**** Thực trạng về thu nhập và cơ cấu thu nhập của các hộ điều tra***

Thu nhập được hình thành từ hai nguồn đó là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động phi nông nghiệp. Với đặc thù là một xã thuần nông nên nguồn thu nhập chính của các hộ nông dân trên địa bàn là từ những hoạt động liên quan trực tiếp đến nông nghiệp như trồng lúa, trồng ngô, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà..... Bên cạnh nguồn thu chính từ hoạt động nông nghiệp thì hoạt động phi nông nghiệp

cũng đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân địa phương. Tuy nhiên, thực tế điều tra cho thấy nguồn thu từ hoạt động phi nông nghiệp của các hộ trên địa bàn chủ yếu lại đến từ làm thuê và các nguồn thu từ lương, trong khi đó chỉ có một số rất ít các hộ có thu nhập từ những hoạt động liên quan đến làm nghề và hoạt động dịch vụ. Chính vì vậy, đây là một vấn đề quan trọng mà địa phương cần phải quan tâm trong việc thực hiện phát triển kinh tế nông thôn.

5.2.3.2. Hiện trạng mô hình sản xuất kinh doanh của hộ điều tra

Bên cạnh hoạt động nông nghiệp thì hoạt động phi nông nghiệp đem lại một nguồn thu đáng kể cho nhóm hộ có thu nhập cao. Trong khi đó, nhóm hộ thu nhập trung bình và nhóm hộ thu nhập thấp thì nguồn thu nhập phụ thuộc khá nhiều vào hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là nhóm hộ thu nhập thấp.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương có 3 ngành chính là trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp. Đối cả 3 nhóm hộ thì thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp là không nhiều chỉ chiếm 3,88% ở những hộ thu nhập khá, 1,12% ở những hộ thu nhập trung bình và 3,31% ở những hộ thu nhập thấp.

Tính đến thời điểm điều tra trên địa bàn xã Quân Bình chưa có một loại cây trồng nào mang tính đặc trưng và thế mạnh của địa phương, những cây trồng chính hiện nay của địa phương vẫn là những cây trồng truyền thống là lúa ngô và một số loại cây ăn quả là hồng, na, chuối. Do cây lúa là cây lương thực chủ đạo nên 100% người dân địa phương vẫn coi đây là cây trồng đem lại nguồn thu chính cho hộ, và đây chắc chắn vẫn là cây trồng đảm bảo an ninh lương thực không thể thay thế và đồng thời cây lúa cũng là đem lại nguồn thu quan trọng cho các hộ nông dân ở địa phương trong tương lai.

Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn xã Quân Bình có một số hộ nuôi trâu với quy mô 4-5 con và trong năm 2015 họ thu được một tiền khá lớn từ việc bán trâu, đồng thời với đó có 1 hộ nuôi hươu lấy nhung cũng có giá trị kinh tế tốt và một vài hộ nuôi ong. Tuy nhiên, đây chỉ là số ít hộ nên trong nội dung này chúng tôi không

đưa một số loại vật nuôi này vào nghiên cứu. Ở đây chúng tôi chỉ đánh giá các loại vật nuôi mà được nuôi phổ biến nhất ở các hộ nông dân là lợn, gà, vịt, ngan và cá.

Hoạt động phi nông nghiệp xã Quân Bình hiện nay có sự đan xen vào các hoạt động nông nghiệp, phân tán trong các hộ gia đình, và thường mang lại những khoản thu nhập phụ trợ.

5.3. Đề xuất quy hoạch, định hướng kinh doanh hiệu quả và giải pháp thực tại xã Quân Bình huyện Bạch Thông giai đoạn 2016-2020.

5.3.1. Đề xuất một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả

- Mô hình trồng trọt: Đề xuất một số mô hình trồng rau, ổi lê Đài Loan, trồng gừng trong bao

- Mô hình chăn nuôi: *chăn nuôi gà thả đồi J-DABACO*

5.3.2. Một số kịch bản thu nhập cho hộ khi tham gia mô hình kinh

*** Kịch bản 1 “kết quả dự kiến khi triển khai mô hình trồng rau”¹**

Trong mô hình trồng rau với các nguồn thu cũ từ cây trồng, vật nuôi và thu từ hoạt động phi nông nghiệp là không đổi, và để nâng cao thu nhập bình quân trên một nhân khẩu của hộ từ 16,764 triệu đồng lên 19,950 triệu đồng trong thời gian tới bình quân mỗi hộ cần một đơn vị diện tích là 600 mét vuông.

Trong mô hình trồng rau này thì các hộ cần một diện tích 600 mét vuông do đó địa phương có thể lựa chọn những hộ có diện tích đất chưa sử dụng hoặc có thể chuyển đổi 1 phần đất khác. Tuy nhiên, trong trường hợp phải chuyển đổi diện tích đất trồng khác sang trồng rau địa phương cần phải tính toán làm sao để đảm bảo các nguồn thu nhập cũ không đổi bằng cách tăng vụ hoặc tăng năng suất.

Với quy mô dự kiến 20 hộ tham gia thì tổng diện tích cho việc xây dựng mô hình này trong năm đầu tiên là 12.000 mét vuông. Theo tính toán khi các hộ tham gia mô hình này thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng khoảng 1,2 lần. Tuy nhiên, để đảm bảo thu nhập của hộ tiếp tục tăng và đạt tiêu chí về thu nhập trong xây dựng

nông thôn mới cho những năm tiếp theo, khi đã thấy hiệu quả từ mô hình này các hộ cần mở rộng diện tích canh tác, đồng thời địa phương nhân rộng quy mô bằng việc triển khai đến nhiều hộ gia đình khác trong xã.

*** Kịch bản 2 “kết quả dự kiến khi triển khai mô hình trồng ổi”²**

Đối với mô hình trồng ổi, để thu nhập bình quân trên một nhân khẩu của hộ trong thời gian tới tăng lên gấp 1,2 lần so với thời điểm điều tra tức là (từ 16,764 triệu đồng lên 20,462 triệu đồng) thì diện tích bình quân hộ cần có là 360 mét vuông tương đương với 1 sào bắc bộ. Như vậy, nếu so sánh hiệu quả giữa mô hình trồng rau và mô hình trồng ổi thì có thể thấy mô hình trồng ổi đem lại hiệu quả cao hơn khi diện tích chỉ cần 360 mét vuông mà thu nhập bình quân đầu người tăng lên là 3,697 triệu đồng. Trong khi đó ở mô hình trồng rau để tạo ra 3,186 triệu đồng/khẩu cần diện tích là 600 mét vuông.

Tuy nhiên, cũng giống như mô hình trồng rau để thực hiện được mô hình trồng ổi các hộ cũng cần phải quy hoạch lại cũng như chuyển đổi diện tích từ một số loại cây trồng trên đất vườn không có hiệu quả kinh tế. Để tiếp tục nâng cao thu nhập cho hộ và đảm bảo tiêu chí thu nhập cho thời gian tới thì người dân cần mở rộng quy mô từ diện tích cũng như có thể triển khai thêm các mô hình sản xuất khác.

*** Kịch bản 3 “kết quả dự kiến khi triển khai mô hình trồng gừng”³**

Đối với mô hình trồng gừng trong bao, chúng tôi đã khảo sát và đánh giá khá chi tiết dựa trên những điều kiện thực tế của địa phương, để tạo thêm 3,226 triệu đồng trên một nhân khẩu thì hộ cần trồng với số lượng 550 bao. Tức là khi hộ triển khai trồng 550 bao gừng với điều kiện các nguồn thu nhập khác giữ nguyên thì thu nhập mới của hộ sẽ đạt là 19,990 triệu đồng cao hơn 1,2 lần so với mức thu nhập tại thời điểm điều tra.

² Phụ lục số 09

³ Phụ lục số 10

Khác với trồng rau màu, cây ổi, đây là mô hình có thể khá dễ trong việc triển khai cũng như nhân rộng, khi trồng gừng trong bao các hộ không cần phải chuyển đổi diện tích đất khác mà hoàn toàn có thể trồng dưới tán cây, tán rừng, thậm chí ngay tại diện tích vườn ổi của gia đình. Do đó, khi thấy hiệu quả người dân có thể tăng quy mô lên hàng ngàn bao. Tuy nhiên, như đã đề cập, đối với mô hình trồng gừng, trước kia đã được triển khai tại địa phương nhưng do khó khăn về đầu ra nên bà con đã từ bỏ. Do đó, để có thể triển khai mô hình này hiệu quả vấn đề quan trọng nhất là khâu tiêu thụ.

*** Kịch bản 4 “kết quả dự kiến khi triển khai mô chăn nuôi gà”⁴**

Gà là loại vật nuôi rất phổ biến tại hầu hết các vùng nông thôn và Quận Bình cũng không phải ngoại lệ. Tuy nhiên, hiện nay tại Quận Bình gà mới chỉ được nuôi theo dạng chăn thả tự do và chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt gia đình chứ chưa thành quy mô sản xuất hàng hóa. Số liệu điều tra thực tế cho thấy, bình quân hiện nay mỗi hộ nuôi khoảng 34 con và đem lại thu nhập bình quân/1 khẩu chỉ là 632 nghìn đồng. Như vậy, theo tính toán của nhóm nghiên cứu để tăng thu nhập của hộ từ 16,764 triệu đồng lên 19,924 triệu đồng bình quân trong một năm hộ cần nuôi 204 con gà.

Cũng như, các mô hình khác để có thể tiếp tục nâng cao thu nhập cho người dân và đảm bảo tiêu chí về thu nhập, địa phương cần giám sát và đánh giá hiệu quả của mô hình, khi thấy hiệu quả sau năm thứ nhất có thể mở rộng quy mô từ 200 con lên thành 400 con đồng thời địa phương tư vấn để những hộ chăn nuôi gà có thể triển khai thêm một mô hình trồng trọt phù hợp với điều kiện thực tế về nhân lực và vật lực của hộ.

Trên đây là những kịch bản nhóm nghiên cứu xây dựng trên cơ sở đánh giá và phân tích về điều kiện thực tế của người dân địa phương. Tuy nhiên, những số liệu này được xây dựng và tính toán trong điều kiện các mô hình phải đảm bảo về

⁴ Phụ lục số 11

quy mô diện tích, số lượng vật nuôi và thời gian triển khai là 1 năm. Như đã đề cập, để các mô hình được nhân rộng địa phương cần phải giám sát và đánh giá mỗi mô hình trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời địa phương cũng nên vận động người dân tích xây dựng nông thôn mới với phương châm “*mỗi hộ ít nhất một mô hình*”.

5.3.3. Một số giải pháp nhằm xây dựng thành công mô hình kinh doanh hiệu quả cho các hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới

- Giải pháp trong việc xây dựng quy hoạch và định hướng các mô hình sản xuất

- Giải pháp về chính sách

5.3.4. Đề xuất một số chính sách nhằm thực hiện xây dựng mô hình kinh tế tại địa phương

Từ nghiên cứu thực trạng các nguồn lực ở địa phương như đất đai, lao động, vị trí địa lý; để thực hiện các mô hình phát triển sản xuất đã được xây dựng, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp ở các địa phương tỉnh Bắc Kạn nói chung và xã Quân Bình nói riêng như sau:

- Thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất;
- Tổ chức lại hình thức sản xuất trong nông nghiệp nông thôn;
- Thực hiện mô hình đối tác công tư trong phát triển nông nghiệp nông thôn;
- Thực hiện các chính sách liên quan đến vốn cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp;
- Nghiên cứu, xây dựng các chuỗi giá trị trong sản xuất và cung ứng nông sản hàng hóa.

6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Từ tháng 3/2015 đến tháng 3/2016

7. Kinh phí thực hiện:

- Tổng số: 270.000.000,00 đ, trong đó:
- Kinh phí sự nghiệp khoa học: 270.000.000,00đ
- Kinh phí khác (tự có, vay...): 0đ